

NHỮNG TƯƠNG ĐỒNG VÀ KHÁC BIỆT TRONG GIÁO DỤC TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC CỦA VƯƠNG DƯƠNG MINH VỚI CÁC NHÀ NHO Ở VIỆT NAM TỪ THẾ KỈ XVI ĐẾN THẾ KỈ XVIII

Lê Hoàng Nam^{*1} và Vũ Thị Thúy Hằng²

¹Khoa Lí luận Chính trị và Giáo dục Công dân, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

²Khoa Quản lí Giáo dục, Trường Đại học Giáo dục

Tóm tắt. Trong lịch sử phát triển văn hóa dân tộc, Việt Nam sớm tiếp thu và chịu ảnh hưởng sâu sắc của các dòng tư tưởng lớn của văn hóa Trung Quốc và nhân loại, trong đó có Nho giáo. Vì vậy, học thuyết về giáo dục nói chung và giáo dục chính trị, tư tưởng nói riêng của Vương Dương Minh hoàn toàn có khả năng giao thoa, hòa nhập và cộng sinh, phát triển trong đời sống tinh thần của người Việt từ các khía cạnh đạo đức, tôn giáo, tín ngưỡng, chính trị... Sự giao thoa này là bước phát triển tất yếu trong xu hướng hội nhập kinh tế và toàn cầu hóa hiện nay. Trong phạm vi bài viết, chúng tôi đi làm rõ sự tương đồng và dị biệt trong lí luận về giáo dục tư tưởng, đạo đức của các nhà Nho Việt Nam từ thế kỉ XVI – XVIII với lí luận giáo dục của Dương Minh để chỉ ra khả năng thích ứng và tạo ra giá trị văn hóa mới của người Việt cũng như sự ảnh hưởng sâu rộng của Tâm học đến đời sống tinh thần người Việt.

Từ khóa: Tâm học, Nho giáo, Vương Dương Minh, tư tưởng, giáo dục.

1. Mở đầu

Vương Dương Minh (1472 – 1529), người đất Dư Diêu, tỉnh Chiết Giang, nhà chính trị, nhà tư tưởng, nhà triết học văn hóa xuất sắc của Trung Hoa thời kì nhà Minh – người sáng lập trường phái Dương Minh học [1]. Cuộc đời và sự nghiệp văn võ song toàn của Vương Minh ảnh hưởng sâu sắc đến triều đại ông sống cũng như các triều đại phong kiến sau này của Trung Quốc [2]. Tư tưởng của ông ảnh hưởng sâu rộng trong đời sống tinh thần các nước Đông Bắc Á như Triều Tiên, Nhật Bản. Thời gian gần đây, giới học giả Trung Quốc, Nhật Bản, Đài Loan, Hàn Quốc nghiên cứu về Vương học nở rộ, trở thành diễn đàn thường niên được tổ chức tại Viện Khổng học Trung Quốc. Nội dung các vấn đề nghiên cứu xoay quanh giá trị của Tâm học đối với quản lí nhà nước về giáo dục, với giáo dục đại học, giáo dục đạo đức [3, 4, 5]. Trong giới học thuật ở Việt Nam hiện đại, việc tiếp cận và nghiên cứu Tâm học của Vương Dương Minh còn khá khiêm tốn. Có thể thấy Vương học được đề cập trong một số nghiên cứu của Nguyễn Đăng Thục, Đào Trinh Nhất, Phan Văn Hùm, Trần Trọng Kim, Nguyễn Hiến Lê, Nguyễn Hữu Vui. Trong Nho giáo, Trần Trọng Kim đã trình bày về Vương Dương Minh, Lục Cửu Uyên với tư cách là một trường phái mới, trong đó có đề cập đến thuyết “tri hành hợp nhất” và bày tỏ quan điểm của mình về ông. Học giả Phan Văn Hùm có thể coi là người đã trình bày và trích dẫn lại khá hệ thống nhất các tư tưởng của Vương Minh học ở miền Nam trước giải

Ngày nhận bài: 28/3/2021. Ngày sửa bài: 29/4/2021. Ngày nhận đăng: 15/5/2021.

Tác giả liên hệ: Lê Hoàng Nam. Địa chỉ e-mail: lehoangnam.th@gmail.com

phóng. Nhưng nhìn chung việc nghiên cứu Vương Minh học nói chung và tư tưởng về giáo dục, đạo đức của ông ở Việt Nam khá mờ nhạt, ít được đề cập trong các sách vở chính thống bởi giới học thuật trước kia thường đánh giá ông là nhà triết học duy tâm nhưng lại tuyệt đối hóa nguyên tắc thực tiễn trong nhận thức, là sự pha trộn Nho giáo và Phật giáo nên ảnh hưởng đến tất cả các nước Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam [1]. Do đó, nghiên cứu về lí luận về tư tưởng, đạo đức của Vương Dương Minh trong mối quan hệ với các tư tưởng ở Việt Nam từ thế kỉ XVI trở đi là một việc cần thiết.

Khác với lịch sử của nhà Minh và sự nở rộ của Nho học thế kỉ XVI, sự phát triển tư tưởng Việt Nam từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XVIII là một bước chuyển biến mạnh mẽ trong đời sống tinh thần và ý thức hệ, đánh dấu sự trở lại thực sự của ý thức hệ Tam giáo và sự trở lại của các tín ngưỡng dân gian của dân tộc Việt [6, 9]. Điều này minh chứng cho sự phát triển phức tạp về lợi ích của các giai tầng trong xã hội cũng như quá trình đi lên khẳng định bản sắc văn hóa thực thụ của người Việt trong thời kì tiếp tục xây dựng thể chế chính trị phong kiến độc lập. Có nhiều nghiên cứu phong phú về nhà Nho Việt Nam thời kì này. Trong các nghiên cứu của Lê Văn Tấn, Trần Nguyên Việt, Nguyễn Đức Sự về các nhà Nho trung đại Việt Nam tiêu biểu như Nguyễn Bỉnh Khiêm hay Lê Quý Đôn đều đã đánh giá và bình luận tư tưởng Việt Nam thế kỉ XVI – XVIII là sự hòa trộn giữa Nho giáo, Phật giáo và Lão giáo cùng với sự trỗi dậy của văn hóa dân gian [7, 8, 9]. Các tác giả Vũ Thị Thảo và Nguyễn Bá Cường trong các nghiên cứu của mình đánh giá khá sâu sắc về thế giới quan tư tưởng về giáo dục đạo đức của Nguyễn Bỉnh Khiêm [10, 11]. Tuy nhiên, cũng chưa có học giả nào nghiên cứu về sự “tương đồng” hay “khác biệt” giữa lí luận về giáo dục tư tưởng, đạo đức của các nhà Nho Việt Nam thế kỉ XVI – XVIII từ sự ảnh hưởng của Vương học. Vì vậy, khi nghiên cứu về vấn đề giáo dục tư tưởng của các nhà Nho Việt Nam thời kì này, chúng tôi tập trung vào phân tích, đánh giá tư tưởng của Nguyễn Bỉnh Khiêm và Lê Quý Đôn (hai nhà tư tưởng điển hình) trong mối quan hệ với Dương Minh học về tư tưởng giáo dục, đạo đức với nhiều giá trị độc đáo.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Những tương đồng trong tư tưởng về giáo dục, giáo dục chính trị và đạo đức của các nhà Nho Việt Nam thế kỉ XVI – XVIII với Vương Dương Minh

Thứ nhất, sự tương đồng trong quan niệm về giáo dục, triết lí lấy “thiện là dòng đời của giáo dục”. Điều này thể hiện rõ trong việc xác định vai trò, mục tiêu, nội dung và phương pháp giáo dục. Đó là mục tiêu giáo hóa, hướng thiện cho con người trên cơ sở nội dung giáo dục đạo đức và tri thức, với phương pháp nêu gương là quan trọng.

Nguyễn Bỉnh Khiêm, lúc nhỏ có tên là Nguyễn Văn Đạt, sinh ngày 6/4/1491 âm lịch ở làng Trung An, huyện Vĩnh Lại, phủ Hạ Hồng, trấn Hải Dương (nay thuộc huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng) dưới thời vua Lê Thánh Tông - thời kì thịnh trị nhất của nhà Lê sơ. Tới năm 1535, dưới thời vua Mạc Đăng Doanh, thời thịnh trị nhất của nhà Mạc, ông mới đi thi và đậu ngay trạng nguyên. Sau khi đỗ đạt, Nguyễn Bỉnh Khiêm được bổ nhiệm làm nhiều chức vụ, được phong tước Trình Tuyền Hầu rồi Trình Quốc Công nên dân gian quen gọi ông là Trạng Trình. Đến khi lui về quê, ông đã dựng am Bạch Vân, lấy hiệu là Bạch Vân cư sĩ, lập quán Trung Tân, làm cầu Nghinh Phong, Trường Xuân cho dân qua lại thuận tiện và mở trường dạy học bên cạnh sông Tuyết (hay sông Hàn) ở quê nhà. Vì vậy, sau này, các môn sinh tôn ông là “Tuyệt Giang phu tử”.

Nguyễn Bỉnh Khiêm đã giáo dục cho nhân dân và học trò rất nhiều về đạo làm người, đạo lí ở đời, sự học, cách học. Ông coi việc giáo dục phải thực hiện được vai trò định hướng ý chí và hành động cho người học, nhất là việc gắn ý chí học hành với lí tưởng cống hiến hết mình cho đất nước. Ông đặc biệt đề cao trách nhiệm cống hiến xã hội không ngừng, cho rằng tác dụng cao

nhất của giáo dục là cứu nhân độ thế, hướng con người trở về tính thiện bởi “thiện là dòng dõi của giáo dục”, đúng như phương châm sư phạm xưa. Do lấy tính thiện là mục tiêu giáo dục nên phương pháp giáo dục của Nguyễn Bình Khiêm là sự vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học của Nho giáo.

Lê Quý Đôn (1726–1784) là vị quan thời Lê Trung Hưng, nhà văn, nhà thơ lớn của dân tộc và được mệnh danh là “nhà bác học lớn của Việt Nam trong thời phong kiến. Ông quan tâm đến yêu cầu “*học đi đôi với hành*” và yêu cầu “*tự giáo dục*”. Ông viết: “Đọc sách một thước không bằng làm được một tác, đọc sách không cần đọc nhiều, đọc được một chữ đem áp dụng một chữ, thế là được. Viết sách, đọc sách đối với ông trước hết là để tự răn mình, xét mình, tu dưỡng tính tình, cố gắng sao cho đến được chỗ ít lỗi lầm” (*Âm chất văn chú*). “Tôi ngu hèn học kém, kính đọc lời dạy của thánh nhân, nghiên cứu truyện nghĩa của họ Trình, họ Chu, xét thêm những lời chú thích của tiên nho, có khi xúc động mà phát minh ra, nói thêm mấy lời, tất cả 5 quyển, chỉ cốt để sửa lấy tấm thân cho được ít lỗi lầm...”. Vì vậy, học trò đã viết về ông: Thầy là tính túy của suối nguồn học vấn, nhìn suốt nghìn xưa, lúc rảnh việc thêu trời dệt đất thì đem học vấn bồi dưỡng cho môn sinh. Vương Minh thì khẳng định: Thi trượt không xấu hổ, thi trượt mà buồn mới là xấu hổ”. Sự học trước hết phải lấy “cái chí làm thuyết”, tức việc học phải có mục tiêu cụ thể chứ không phải đọc kinh sách mà không để làm gì. Vì vậy, theo ông thì “Cái học của người quân tử làm sao có thể chia việc làm ra với lý thuyết. Trái lại, phải giải quyết ở trong lý thuyết và việc làm, đều dụng công vào chỗ “tri hành hợp nhất”, chính thực là để tới cùng cái lương tri của bản tâm mình” (Nguyễn Đăng Thục, 1997). Mặc dù Vương Minh theo thuyết “lương tri lương năng”, cho rằng khả năng biết, học của con người tự nhiên mà có, tồn tại vĩnh viễn nhưng không có nghĩa là ông phủ nhận việc học tập, mà việc học ở đây như là một sự phấn tỉnh, trở về với Tâm (Tâm là gốc của sự học). Cho nên, “Học là để biết rõ các sự vật mà thù ứng cho hợp thiên lý, tức là hợp với chân lý. Sự biết ấy do ở cái tâm của người ta, hễ cái tâm đã sáng thì lo gì vật đến mà không soi rõ được. Vậy nên cái công phu của sự học cốt ở sự làm cho soi sáng cái tâm” (Trần Trọng Kim, 2012). Xét đến cùng, quan niệm học của Vương Minh là để làm sáng cái Tâm: “Sự học của người quân tử là làm cho sáng cái tâm” (Trần Trọng Kim, 2012). Vì vậy, việc học của người quân tử ở đây có nghĩa là học cái đạo đức trước, tính thực dụng của việc học là không phân biệt học theo đạo nào mà cốt ở rèn luyện được cái tâm trong sáng đã. Quan niệm tri hành hợp nhất thể hiện tư tưởng học tập của ông Tâm với ý là một thì tri với hành cũng là một. Vì vậy, việc đọc sách theo ông là để hiểu, hiểu sách đến hiểu chính bản thân mình. Luận giải điều này, Vương Minh nói: “Lại như người biết đau, tất đã tự mình đau rồi mới biết đau; người biết rét, tất đã tự mình rét rồi mới biết rét; người biết đói, tất đã tự mình rồi mới biết đói; tri với hành chia thể nào ra làm hai được” (Phan Văn Hùm, 2016).

Quan niệm về phương pháp giáo dục nói chung và phương pháp giáo dục trẻ em của ông nói riêng coi trọng bản tính bẩm sinh tự nhiên của đối tượng học, do đó sẽ đảm bảo được tính vừa sức của việc học cũng như phát huy được khả năng sáng tạo của chủ thể trong quá trình học, đảm bảo cân bằng về tâm lý cho người học. Theo Vương Minh: “Trẻ con chẳng khác nào cây cỏ mới mầm mống, để cho thư sướng thời nó sồn sồn, mà đề thúc thời nó cằn cỗi. Nay ta dạy trẻ con tất phải khiến cho chúng nó xu hướng về ca múa, để cho trong lòng chúng mừng đẹp; thời ấy chúng học sẽ tấn bộ không dừng” (Phan Văn Hùm, 2016). Phương pháp giảng dạy, học tập của ông là trong quá trình dạy “không nên cố chấp một điều thiên lệch” và “lấy sự thực tiễn” làm chủ (Trần Trọng Kim, 2012).

Có thể thấy điểm gặp gỡ lớn nhất trong các nhà tư tưởng ở đây trong phương pháp dạy học là quan điểm “tri hành hợp nhất” và mục tiêu giáo dục tu tâm dưỡng tính. Vương Minh khẳng định: Cho đến những đạo hiếu, lòng trung, tình yêu, tính tốt, và trăm nghìn cái danh từ đức tính kia khác ở đời này, cũng đều tự trong tâm phát ra, bởi tâm mà có. Cái tâm này nở biểu lộ ra ngoài, gặp cha ấy là đạo hiếu, gặp vua ấy là lòng trung; từ đó mà đi, người ta đặt tên ra mãi đến vô cùng, nhưng chỉ có một tính ấy mà thôi. Cũng như một người ấy thôi, đối với cha xưng là 154

con, đôi khi với con xưng là cha; từ đó mà đi, người ta đặt tên ra mãi đến vô cùng, chung quy cũng chỉ là một người. Bởi vậy người ta chỉ cốt dụng công ở trên chữ tính, thấu hiểu một chữ tính phân minh, tức thị muôn lẽ sáng tỏ tất cả. Vì vậy, quá trình giáo dục theo quy trình:

1. Tâm: Trung ương chính phủ.
2. Ý: Chỉ dụ hay nghị án.
3. Tri: Thông sức hay yết thị.
4. Thân: Kẻ thừa hành.
5. Vật: Chính sự, nhân dân.

Do đó Vương Dương Minh mới nói: “Tri là khởi đầu của hành; hành là kết quả của tri.” Nếu có ý khác (hoặc sợ khó khăn mà không chạy đến, hoặc vì ghét cha mẹ nó mà không chạy đến) tức là có tri mà không có hành. Tuy nhiên đó không phải là bản thể của tri và hành.

Thứ hai, sự tương đồng trong việc coi biện chứng của đạo đức là triết lí hành động, đấu tranh vì sự no ấm và bình yên của con người. Đồng thời, cần có sự lạc quan, hy vọng trong sự kế tục của thế hệ trẻ

Trong cuộc đời đầy thăng trầm biến động của mình, trải qua nhiều chức vụ khác nhau trong triều đình và luôn bị nhiều kẻ thù ác tìm cách hãm hại, Có những khi Dương Minh phải trải qua cuộc sống đầy gian khổ ở nơi núi non, rừng sâu; nhập thế mà như xuất thế và ngược lại. Cho nên, đôi khi người đời lầm tưởng ông bỏ Nho giáo mà theo Phật giáo. Vì vậy, Vương Minh càng thâm thúy và đề cao triết lí hành động. Cốt lõi của triết lí hành động của ông là triết lí đạo đức hành động vì con người, vì dân, vì cuộc sống bình yên của con người. Đồng thời đó cũng là triết lí hành động trong việc thực hành giáo dục và luôn đề cao giáo dục thế hệ trẻ niềm tin, hy vọng, lạc quan vào sự chiến thắng của cái thiện, sự thất bại của cái ác. Cũng chính từ đây mà ông ngộ ra Tâm là gốc của mọi triết lí hành đạo, giúp đời, vì dân, vì nước.

Ở Việt Nam, với Nguyễn Bình Khiêm, trong khi xã hội loạn lạc, một mặt, ông khuyên mọi người hãy giữ mình, mặt khác phải tự lo cho mình, đừng chờ đợi. Do đó, Nguyễn Bình Khiêm trong lịch sử dân tộc là ông đã gắn tình cảm lạc quan với thế hệ trẻ. Tư tưởng về sự kế tục các thế hệ là tư tưởng đạo đức đặc sắc của Nguyễn Bình Khiêm. Còn đối với Lê Quý Đôn đề cao đạo đức Nho gia, đạo đức thời Nghiêu – Thuấn. Theo ông, với mỗi con người, đạo đức là cần thiết nhưng không thể bỏ qua tài năng. Tài năng và đức độ đều quan trọng như nhau. Ở tầm vĩ mô, trong đường lối trị nước, tư tưởng đạo đức của Lê Quý Đôn là tư tưởng kết hợp đức trị với pháp trị. Về giáo dục đạo đức, ông đề cập ở nhiều tác phẩm, như: *Am chất văn chú, Dịch kinh phu thuyết, Kiến văn tiểu lục* (phần *Châm cảnh*), *Lê Quý Đôn gia lễ, Thánh mô hiền phạm, Thư kinh diễn nghĩa, (Văn đài loại ngữ* (phần *Sĩ quy*)...) Về giáo dục xã hội, ông chú ý mối quan hệ giữa người và người, những chuẩn mực đạo đức trong mối quan hệ đó, cách ứng đối, tiếp xúc, giao dịch với mọi người. Mỗi người cần có tình nghĩa bạn bè và tình nghĩa dân tộc (*Thánh mô hiền phạm*). Về giáo dục gia đình, ông chú ý đến mối quan hệ trong gia đình, tình cảm và nghĩa vụ đối với nhau: con cái phải giữ đạo hiếu, phụng thờ cha mẹ; cha mẹ phải chú ý dạy dỗ con cái anh chị em, vợ chồng phải khuyên bảo nhau, phải sống có tôn ti trật tự (*Thánh mô hiền phạm*). Có thể nói, nội dung giáo dục gia đình ông đề ra rất tiên bộ: *Dạy con phải dạy cho có nghề nghiệp*” và *”biết sợ hãi mới thành người, biết hổ thẹn mới thành người, biết khó nhọc mới thành người”* (*Kiến văn tiểu lục*). Vì vậy, ông rất chú ý đến giáo dục đạo đức và giáo dục lao động trong gia đình.

Thứ ba, sự tương đồng trong xác định vị thế của người quân tử, một vị quan thanh liêm trong xã hội đầy biến động.

Sống giữa lòng dân, các tư tưởng đạo đức của Nguyễn Bình Khiêm mang rõ tính *nhân dân*. Tình cảm, tư tưởng của Nguyễn Bình Khiêm bắt nguồn từ đời sống nhân dân và rất nhiều tư tưởng đạo đức của ông được nhân dân yêu thích đã trở thành lẽ sống thường nhật của họ. Tư

tướng đạo đức quan trọng của Nguyễn Bình Khiêm là tư tưởng phấn đấu cho hoà bình. Còn đối với Lê Quý Đôn, thiên nhân có thể hợp đức lại là vì cái tâm người chính, nên: *Nhân tâm chi đại, thượng khả dĩ thông thiên địa, trung khả dĩ trắc quỷ thần, hạ khả dĩ sát vạn vật, tượng số chi diệu. Tán ô hình khí, tự ô xuất hữu, tự hữu nhân vô, diếu vi chương chi gian, mặc phi đạo dã. Chính tâm nhi hậu năng chi đạo. Tri đạo nhi hậu năng kiến cơ, kiến cơ nhi hậu năng quyền vận. Mệnh do nhân chế, phi năng chi nhân dã, thiên nhân hợp nhất lí, bất quá như thử.* Lê Quý Đôn nhấn mạnh tính tích cực, chủ động của chữ chính trong nhân tâm, chỉ có chính tâm thì mới biết được đạo, mới có thể làm nên cái đức thiên nhân hợp đức, thiên nhân hợp nhất. Lê Quý Đôn đặc biệt nhấn mạnh tư tưởng “thiên nhân hợp đức” của Chu Tử học đối với con người trong các mối quan hệ. Trong khi đó, Vương học quan niệm sâu sắc về mẫu người chính nghĩa, có đạo đức, biết tu thân, có lương tri. Trong *Quân tử đình ký* Vương Minh viết: “Trúc có cái đạo quân tử bốn điều - Ở trong không hư mà tĩnh, thông đạt mà có tầng ngăn, ấy là cái đức của người quân tử. Ở ngoài có từng đợt mà thẳng suốt bốn mùa mà cành lá không thay đổi, ấy là có cái hạnh của người quân tử. Ứng mùa xuân mùa hạ mà xuất hiện, gặp mùa thu đông mà ẩn tàng; lúc mưa, lúc tuyết, lúc tối, lúc sáng, không lúc nào là không có cái phong cảnh nghi nhân, ấy là có cái nghĩa thời trung của quân tử. Gió mát thỉnh thoảng thổi đến, tiếng ngọc rào rào như âm nhạc, khi ấy khi cúi khi ngửa, như người lễ nhượng vái chào, như các vị hiền triết ở sông Thù sông Tứ cùng nhau tập hợp; khi gió định hơi tĩnh, lại nghiêng nhiên đặc lập, ra hình bất khuất, như các vị thánh thần đời Đường đời Ngu, đội mũ cầm hốt, liệt tọa ở chốn miếu đường, ấy là có cái dung mạo của người quân tử”. Theo ông, thì Tâm giúp cho con người tu thân. Tâm giúp cho con người sáng suốt trong các mối quan hệ xã hội. Tâm giúp cho con người đi từ quản lí bản thân mình đến quản lí các mối quan hệ xã hội. Cho nên: “Muốn tu thân trước phải chính cái tâm; muốn chính tâm, trước phải thành ý; muốn thành ý, trước phải trí tri, trí tri tại cách vật. Vật cách rồi thời tri sẽ chí, trí chí rồi thời ý sẽ thành; ý thành rồi thời tâm sẽ tránh; tâm chính rồi thời thân sẽ tu; thân tu rồi sau gia mới tề; gia tề rồi sau quốc mới trị; quốc trị rồi sau thiên hạ mới bình”. Ông viết:

“Ngẩng cúi trong trời đất,

Trần lan khí hạo nhiên,

Gió cơn bầu nước mà tiên

Chẳng kiêu ý ấy tính thiên vui lòng

Dương Minh rừng núi lung linh

Tuổi già quên với núi sông đạo già” (Phan Văn Hùm, 2016)

Đối với Vương Minh, đó là mẫu người “minh thiện”, bởi vì “Thiện là gốc ở nơi tĩnh” và con người “chí thiện để thành thân” (thể xác) nên “muốn minh thiện – làm cho sáng tỏ cái thiện tất không phải đi tìm ở đâu xa, không phải dụng công phu gì lạ, hơn là chính cái tâm vậy... Muốn thành thân cũng không phải dùng công phu gì khác hơn là chính tâm, thành ý” (Phan Văn Hùm, 2016). Cho nên, trong bài *Lập chí thuyết* ông khẳng định mẫu người có nhân cách phải có trí tuệ: “Này, sự học không gì cốt yếu bằng sự lập chí; phàm kẻ đi học cái chí phải lập trước. Nếu chí mà không lập cũng như trồng cây không đề cho ăn để xuống đất, chỉ tưới dội vun đắp ở trên thì khó nhọc mà không có kết quả vậy” (Phan Văn Hùm, 2016).

2.2. Những điểm khác biệt trong tư tưởng giáo dục và giáo dục đạo đức của các nhà Nho Việt Nam thế kỉ XVI-XVIII với Vương Dương Minh

Thứ nhất, tư tưởng về giáo dục và giáo dục đạo đức của các nhà Nho Việt Nam thế kỉ XVI – XVIII chịu sự ảnh hưởng sâu sắc của Phật giáo, Đạo giáo, đặc biệt là các tư tưởng truyền thống dân gian. Trái lại, Vương Minh đã vượt ra ngoài Nho, Phật, Lão để tìm cho mình một hướng đi riêng trong giáo dục và giáo dục đạo đức.

Tư tưởng của Nguyễn Bình Khiêm chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi những tư tưởng của Lão giáo và truyền thống dân gian. Chẳng hạn, Trong bài tựa cuốn *Bạch Vân am thi tập*, quan điểm

thâm mĩ và đạo đức của Nguyễn Bình Khiêm đã thể hiện rõ ý tưởng này. Ông “thích cái đẹp của sơn thủy, vui cái mĩ lệ của hoa, trúc, mượn sự việc mà tự thuật”. Thích cái đẹp của tự nhiên, gắn đạo đức người quân tử với cây tùng, cây bách là lí tưởng chung về cái thiện, cái mĩ. Lí tưởng này là cơ sở của một lòng khoan dung và nhân đạo vô hạn. Cho nên, ông cũng ca ngợi sự gắn bó của con người với tự nhiên, chứ không phải khuyên người ta ăn bám tự nhiên, ần nấp vào cái tự nhiên hoang dã đầy núi cao và rừng hiểm trở. Ông ngợi ca lao động và gọi mở cho mọi người đến với tự nhiên bởi ở đó, mọi người đều sẽ trở thành những con người bình đẳng và bình dị, ở đó mọi người đều lao động và sẽ đối xử tốt với nhau. Kế thừa các giá trị dân tộc nên tập thơ *Bạch Vân quốc ngữ thi* của ông có khoảng 170 bài làm theo kiểu Bát cú Hàn luật có pha lục ngôn. Đây là một tập thơ Nôm mang rất nhiều giá trị về ngôn ngữ dân tộc. Nội dung chủ yếu là tự sự nhìn lại mình, nhìn lại cuộc sống, khuyên răn đạo lí trong cõi đời loạn lạc; nặng về triết lí, am tường tâm lí, hướng về giáo huấn, có giá trị mĩ học quan trọng.

Trong khi Vương Minh đang vượt ra ngoài Nho giáo, Phật giáo để có hệ thống lí luận riêng trong giáo dục, giáo dục đạo đức và tư tưởng. Dương Minh lấy một chữ tâm đắp nền đặt móng cho sự học hành và đạo làm người. Nó bao hàm chứa tể và làm nguồn suối cho tất cả những cái gọi là tính, là lí, là nhân, là nghĩa, là lễ, là hiếu... không chia ra mỗi thứ ấy một chỗ đứng, một thuyết riêng, năm chi mười nhánh, phiền phức lồi thối. Vương Dương Minh nói rằng: Khi Phật gia nói đến vô, mục đích của họ là thoát biển khổ của sinh tử. Khi họ thêm ý nghĩa ấy vào bản thể của tâm, thì nguyên nghĩa của hư và vô không còn nữa. Đó là một điểm bất đồng căn bản giữa Đạo học và Phật học đời Tống và đời Minh. Khi Long Khê trộn lẫn chúng, học thuyết của ông không chỉ gần với Thiền, mà e rằng chính là Thiền. Cho nên đối với Long Khê, cái học Nho-Fật-Lão về cơ bản thì không khác nhau. Long Khê nói: Học thuyết của Tam giáo cổ chung một nguồn. Lão nói Hư; Nho cũng nói Hư; Phật nói Tịch (vắng lặng). Ai theo đó mà phân biệt làm chi? Nhà Nho ở đời không xét được nguồn gốc, cứ xem Phật và Lão là dị đoan. Đó là vì chưa bàn luận cho thông. Lời này cơ hồ thủ tiêu một lập trường trọng yếu của Đạo học đời Tống và đời Minh, khiến người ta trở về thái độ của người đời Ngụy và đời Tấn đối với Tam giáo. Tâm Trai giải thích về cách vật được người đời gọi là “thuyết cách vật của Hoài Nam”. Thuyết ấy nói rằng: “Cách giống như chữ cách trong cách thức; tức là cái mà cuối sách Đại Học gọi là “hiệt củ” (thước vuông đo lường). Thân ta là một cái thước vuông, thiên hạ quốc gia là hình vuông. Khi ta dùng thước vuông đo nó thì biết rằng sự không chính xác của hình vuông có nghĩa là cây thước không chính xác. Do đó chỉ cần sửa cho đúng cây thước, chứ đừng cầu mong ở hình vuông. Thước vuông đúng thì hình vuông đúng, hình vuông đúng thì thành cách.

Thứ hai, quan niệm về giáo dục của các nhà Nho Việt Nam giai đoạn này mang tính ứng dụng cao, ít bàn về những vấn đề lí luận thuần túy nên không có các trường phái, học phái khác nhau như giai đoạn của Vương Minh trong triết học Trung Quốc

Chẳng hạn, trong tư tưởng của Lê Quý Đôn đề cao thực học, học thực dụng vì bản thân ông tiếp thu nhiều hệ thống lí luận của Chu Hy. Sinh thời trong cảnh nhiễu nhương, ông chỉ ra năm nguy cơ có thể mất nước. Đó là: 1. Trẻ không kính già (vì già không đáng kính); 2. Trò không trọng thầy (vì thầy không ra thầy); 3. Binh kiêu tướng thoái (vì chẳng bao giờ đánh trận); 4. Tham nhũng tràn lan (vì không ăn cũng uống); 5. Sĩ phu ngoảnh mặt (vì nói chẳng ai nghe). Nghiên cứu về vũ trụ, Lê Quý Đôn gọi là “thiên địa”, tức chỉ nguyên lí cơ bản mà vũ trụ sáng tạo “càn khôn”, chính là thể giới tự nhiên. Từ càn nguyên mà nói, trời là nguyên lí sáng tạo nên cái sinh vạn vật; về khôn nguyên mà nói, địa là nguyên lí chung thành, tức là cái nguyên liệu sinh ra vạn vật. Lê Quý Đôn đã dùng cái đức càn khôn mà khí hoá âm dương, vì sự sáng tạo ra trời đất không ngừng ấy là cái khí của thái cực hỗn nguyên, trong đó có lí. Theo đó, trời thuộc khí dương, đất thuộc khí âm, hoặc trời thuộc thanh khí, đất thuộc trầm khí. Vì vậy, càn ý chỉ “trời”, về khí, đó là cái khí vô hình; khôn chỉ “đất”, xét về “hình” là cái khí có thể thấy được. Trong sự hỗn độn của hai khí âm dương, trời là khí, còn đất là hình, trời đất do đó mà thành. Còn nói về sự tạo thành vạn vật, tất cả đều là “bẩm khí ô thiên, thành hình ô địa”. Tư duy này

nghĩa là, trời đất có trong khí hoá âm dương, đây là mô thức luận khí hoá vũ trụ truyền thống. Chu Tử cũng có cách nói tương tự, ông nói: “Thiên dĩ khí nhi y địa chi hình, địa dĩ nhi phục thiên chi khí”; “thiên địa sơ gian tắc chỉ thị âm dương chi khí”, “khinh thanh giả vi thiên, trọng trọc giả vi khí. Thực tế, Lê Quý Đôn nói về khí và hình trong thiên địa chính là “khí” và “chất” mà Chu Tử và Tân Nho học đề cập đến; khí là khí vô hình, khí vô hình tích tụ lại sẽ thành “chất” (hình), nên vũ trụ vạn vật đều từ “hình” (chất), “khí” tổ hợp thành. Trong khi, Dương Minh cố gắng đi tìm tòi, xây dựng hệ thống lí luận mới, vừa phát triển, tuyên truyền, phổ biến ứng dụng vào thực tiễn hệ thống lí luận vào thực tiễn lí luận đó. Vì vậy, việc hình thành nên các học phái với những cuộc tranh luận này lựa về các phạm trù mới là đặc trưng của tư tưởng triết học Trung Hoa các thời đại. Cho nên, có những trường phái, học giả đi sâu vào một lĩnh vực khác có thể chệch hướng, chẳng hạn như Vương Kỳ, Vương Cấn, La Hồng Tiên đã đưa cái học trí lương tri lên cao, sa vào Thiên học đã tạo ra môn phái khác. Vương Dương Minh có thuyết tri hành hợp nhất. Hoàng Lê Châu viết: Thuyết cách vật của Vương tiên sinh nói rằng: Đạt tới cùng lương tri của tâm ta đối với sự vật, thì ở mỗi sự vật ta đều đạt được Lí của nó. Thánh nhân dạy người, chỉ là một chữ hành. Thí dụ như học rộng, tra hỏi, suy nghĩ cẩn thận, phân biệt rõ, tất cả đều là hành. Gắng sức thực hành là thực hành hoài không thôi. Tiên sinh đạt tới cùng lương tri của tâm đối với sự vật. Chữ trí (đạt tới cùng) tức là chữ hành, để cứu lấy sự cùng Lí suông, tức là cái sai của việc thảo luận chỉ để hiểu biết thôi [1].

Thứ ba, mặc dù có nhiều tư tưởng tiến bộ, giàu bản sắc dân tộc nhưng các nhà Nho Việt Nam thế kỉ XVI – XVIII chưa thoát khỏi lập trường duy tâm của giai cấp phong kiến trong giáo hóa dân chúng. Ngược lại, Vương Minh đưa ra chủ trương về một lối giáo hóa khác đối với dân chúng cho riêng mình

Điều này thể hiện trong quan niệm về hình mẫu nhà Nho Việt Nam thế kỉ XVI - XVIII như: yêu nước, thương dân... Các nhà Nho luôn đi tìm cách giáo hóa dân chúng và giáo hóa vua – chúa bằng các chuẩn mực Nho giáo nhưng vẫn không thoát khỏi sự bế tắc đối với thời cuộc. Vì vậy, mặc dù từ bỏ quan trường, ở ẩn song xu hướng giáo dục tư tưởng chính trị phong kiến khá phổ biến trong tư tưởng các nhà Nho Việt Nam giai đoạn này. Chẳng hạn, Nguyễn Bình Khiêm viết rất nhiều về chữ nhân (An nhân ngã thị địa trung tiên - an nhân ta là tiên trên đời). Ông đã lao động đến say mê, đã trần trụi đến nhứt nhối. Hầu như ngày nào ông cũng bận bịu. Ông lo cho muôn dân, ông gắng sức rèn luyện học trò. Nguyễn Bình Khiêm thương người và tạo lập một triết lí mới: *tố cáo và tin tưởng*. Trong một bài văn rất nổi tiếng: *Nhân tình thế thái*. Nguyễn Bình Khiêm đã tố cáo cái xã hội của ông: “Còn bạc còn tiền còn đệ tử. Hết cơm hết gạo hết ông tôi”, dù vậy, ông vẫn tin tưởng xã hội trọng người chân thật và không ưa kẻ đĩ độn. Ông luôn tố cáo kẻ bạc ác, tố cáo sự bất công của xã hội coi trọng đồng tiền (Đạo nọ nghĩa này trăm tiếng bợn. Nghe thôi thình thình lại đồng tiền), đầy đọa con người nghèo khổ và tin tưởng ở sức mạnh của dân. Ngược lại, đối với các nhà Dương Minh học, tiêu biểu là Vương Dương Minh lại được triều đình nhà Minh trọng dụng, cống hiến cho triều đình và cũng có nhiều thời gian gặp kẻ xấu ám hại, trong thực tế gian nguy lại luôn giữ lập trường, lí luận trí lương tri, không từ bỏ quan trường, gắng sức vận dụng lí luận vào thực tiễn. Vương Minh thực hành thân dân khi ông làm tri huyện Lư Lăng hoặc khi ông làm tuần phủ Năm Cam, ông viết trong *Năm Cam hương ước*: “Xưa kia dân cư các trại bị dân mới chiêu dụ làm hại, thật nói ra bất nhẫn. Nay đã hứa tự tân, đất ruộng của cải chiếm đều đem trả lại, thời chớ nên nhớ thù xưa, mà làm rối loạn địa phương. Ước trưởng nên hiểu dụ khiến cho ai giữ bổn phận nấy. Ai không nghe trình quan trị tội” (Phan Văn Hùm, 2016). Theo Vương Minh thì lương tri “ở tâm người ta, ai ai cũng có, không phân biệt bậc thánh người ngu, mà thiên hạ cổ kim đều giống như nhau” (Phan Văn Hùm, 2016). Vì vậy, người quân tử có lương tri cần thực hiện lương tri trong mối quan hệ gia đình, trong mối quan hệ xã hội, rộng hơn là mối quan hệ đối với quốc gia, dân tộc.

3. Kết luận

Lí học thời nhà Tống đã làm thui chột đi tính sáng tạo của các nhà Nho. Phật giáo, Đạo giáo thịnh hành khiến cho Nho giáo càng lâm vào khủng hoảng. Các nhà Nho đương thời bất lực trước hoàn cảnh éo le trên đề mặc cho số phận bằng việc sống ẩn dật hay là đi nghiên cứu Lí học thời Tống. Học thuyết “tâm học” ra đời đã kết thúc thời khủng hoảng ấy, mở ra con đường vô cùng mới mẻ, sáng tạo cho các nhà Nho. Vương Dương Minh khi đã đề ra học thuyết tâm học ông cảm thấy Đạo giáo và Phật giáo cũng có mặt tích cực nhưng quá xuất thế và không hữu dụng với cuộc sống, ông mạnh mẽ phê phán. Đối với giáo dục, học thuyết của Vương Dương Minh về “Tâm học” cũng có giá trị vô cùng to lớn, hữu ích trong việc tu dưỡng bản thân, hướng bản thân vào các việc thiện, tránh xa các thói xấu, tệ nạn.

Tam giáo, Nho – Phật – Lão ảnh hưởng sâu sắc đến tư tưởng của các nhà Nho Việt Nam thế kỉ XVI đến thế kỉ XVIII – thời kì đầy biến động chính trị và sự tiếp biến các thành tựu khoa học, kĩ thuật và các giá trị văn hóa phương Tây. Do vậy, tư tưởng các nhà Nho Việt Nam thời kì này là sự kết tinh những yếu tố truyền thống Nho học xưa cùng hệ giá trị dân tộc cùng các thành tựu mới tiếp thu từ bên ngoài. Tiêu biểu như Nguyễn Bình Khiêm coi trọng Đạo học, Lí học. Lê Quý Đôn tiếp thu Chu Hy và khoa học kĩ thuật phương Tây. Theo chúng tôi, trong quan điểm về giáo dục và giáo dục đạo đức, tư tưởng thì các nhà Nho Việt Nam thời kì này có nhiều điểm tương đồng với các nhà Dương Minh học về mục tiêu, nội dung và phương pháp giáo dục, đặc biệt là triết lí hướng thiện, thân dân, lấy dân làm gốc và tri hành hợp nhất, đề cao tính thực dụng của việc học. Trong điều kiện hội nhập, mở cửa, xây dựng nền văn hóa “tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” ở Việt Nam hiện nay thì khả năng giao thoa, phát triển tư tưởng giáo dục và giáo dục đạo đức của dân tộc với Tâm học trong việc xác định mục tiêu giáo dục, nội dung giáo dục và phương pháp giáo dục là hoàn toàn có khả năng nhằm tạo nên một sự phát triển biện chứng trong bối cảnh văn hóa hiện đại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Phan Văn Hùm, 2016. *Vương Dương Minh thân thế và học thuyết*. Nxb Thế giới, Hà Nội.
- [2] Nguyễn Hiến Lê, 2001. *Những cuộc đời ngoại hạng*. Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- [3] Loan Thành Bân, 2019. “Ý nghĩa Tâm học của Vương Minh dưới góc nhìn quản lí nhà nước về giáo dục”, *Nghiên cứu Vương học*, Triệu Bình Lược, Lục Viễn Thắng (chủ biên), tập 10. Nxb Khoa học xã hội, Bắc Kinh, tr.223-225.
- [4] Trương Hàn Tùng, 2019. “Thừa hưởng văn hóa Dương Minh trong phát triển giáo dục đại học – liên hệ với đại học Quý Châu những năm gần đây”, *Nghiên cứu Vương học*, Triệu Bình Lược, Lục Viễn Thắng (chủ biên), tập 10. Nxb Khoa học xã hội, Bắc Kinh, tr.251-262.
- [5] Vương Quốc Lương, 2019. “Giá trị hiện đại và nhân cách hào kiệt trong Tâm học của Vương Dương Minh”, *Nghiên cứu Vương học*, Triệu Bình Lược, Lục Viễn Thắng (chủ biên), tập 10. Nxb Khoa học xã hội, Bắc Kinh, tr.251 – 262.
- [6] Nguyễn Đăng Thục, 1997. *Lịch sử triết học phương Đông* (Tập 5). Nxb TP. Hồ Chí Minh, TP. Hồ Chí Minh.
- [7] Lê Văn Tấn, 2019. *Văn học trung đại Việt Nam: nhìn từ hai loại hình tác giả nhà Nho hành đạo và nhà Nho ẩn dật*. Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
- [8] Trần Nguyên Việt, 2019, “Nho học Hàn Quốc và Việt Nam trung thế kỉ qua nghiên cứu so sánh hai nhà tư tưởng cùng thời Go Bong Gi Dae Seung và Nguyễn Bình Khiêm”. *Tạp chí Triết học*, số 10, tr.48 – 56.

- [9] Nguyễn Đức Sự, 2006, “Mấy vấn đề Nho giáo ở Việt Nam thế kỉ XVI và XVII”. *Tạp chí Triết học*, Số 9 (184), tháng 9, tr. 36-39.
- [10] Vũ Thị Thảo, 2019, “Lí – Tính – Trung trong tư tưởng của Nguyễn Bình Khiêm” (1491-1585). *Tạp chí Triết học*, số 12, tr.48-51.
- [11] Nguyễn Bá Cường, 2013, “Tư tưởng Nguyễn Bình Khiêm về giáo dục đạo đức Nho giáo”, *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*, Số 6B/2013 VN, tr43-51.

ABSTRACT

The similarities and differences in ideological education, ethic education of the Illusionary School in Vietnam from the sixteenth to the eighteenth century

Le Hoang Nam^{*1} and Vu Thi Thuy Hang²

¹*Faculty of Politics – Civic Education, Hanoi University of Education*

²*Faculty of Educational Management, University of Education*

In the history of national cultural development, Vietnam soon absorbed and was deeply influenced by the great currents of ideas of Chinese culture and humanity, including Confucianism. The spiritual life in Vietnam from “Đổi Mới” up to now has had many changes towards the culture of “progressive, imbued with national identity”. Western cultural values were imported but did not lose the typical characteristics of East Asian culture in Vietnamese social life. Therefore, the theory of education in general and political and ideological education in particular of Duong Minh school is completely capable of interfering, integrating and symbiosis, developing in the spiritual life of the Vietnamese. from the aspects of ethics, religion, belief, politics... This interference is an inevitable step in the current trend of economic integration and globalization. Within the scope of the article, we clarify the similarities and differences in the theory of ideological and moral education of Vietnamese Confucians from the sixteenth to eighteenth centuries with the educational theory of the Duong Minh school. learning to show the ability to adapt to creating new cultural values of Vietnamese people as well as the profound influence of Psychology on the Vietnamese spiritual life.

Keywords: Psychology, Confucianism, Vương Dương Minh, ideology, education.